

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/DS-PT

Ngày: 27-9-2024

V/v Yêu cầu trả tiền giá trị  
quyền sử dụng đất và tiền công  
khai phá, cải tạo đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thu Hằng.

Bà Phạm Thị Thu Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:  
Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2024/TLPT-DS ngày 30 tháng 7 năm 2024 về “Yêu cầu trả tiền giá trị quyền sử dụng đất và tiền công khai phá, cải tạo đất”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2024/DS-ST ngày 07/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 32/2024/QĐ-PT ngày 12/9/2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Phạm Công L, sinh năm 1960. Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

**Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Công L:** Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số nhà E, tổ dân phố A, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Theo Giấy ủy quyền ngày 24/10/2023) (Có mặt).

**2. Bị đơn:** Bà Trịnh Thị K, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số nhà F, tổ dân phố F, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt có lý do).

**3. Người kháng cáo:** Nguyên đơn ông Phạm Công L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các văn bản trình bày ý kiến của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Công L, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông

**Trần Ngọc T trình bày:**

Ông Phạm Công G (tên thường gọi là ông B) và bà Nguyễn Thị H là bố mẹ đẻ của ông Phạm Công L. Năm 1980, ông G và bà H có khai hoang và trồng rau bon trên diện tích đất khoảng 50,92m<sup>2</sup>, mảnh đất có chiều tim từ đường vào là 18,5m, chiều bóm mặt đường là 8m, chiều sâu là 6,365m, mảnh đất có địa chỉ tại: Thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Đến năm 1990, ông G và bà H giao lại cho ông L quản lý, sau khi nhận lại thửa đất, thì ông L tiếp tục sử dụng và trồng rau bon trên diện tích đất này. Sau khi ông G và bà H chết, ông L có đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không đo vẽ sơ đồ cụ thể, nên thửa đất này không có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mà chỉ là đất liền kề.

Khoảng năm 2008, bà Trịnh Thị K có đi làm thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bố mẹ bà K là ông L1 và bà T1 cho bà K, thì bà K đã tự kê khai thửa đất của gia đình ông L thành đất hành lang giao thông giáp với thửa đất của bà K.

Năm 2010, giữa ông L và ông Trịnh Đình L2 (bố đẻ bà K) xảy ra tranh chấp đất đai đối với thửa đất này, bà K đã mời chính quyền địa phương đến giải quyết tranh chấp và đã viết cho ông L Biên bản thỏa thuận vào ngày 19/3/2010, có nội dung: “*Bà Trịnh Thị K đồng ý hỗ trợ công khai phá, cải tạo hoa màu trên mảnh đất mà bà K dùng làm lối đi có chiều dài bóm quốc lộ 279 = 8m cho ông Phạm Công L, số tiền là: 15.000.000 đồng, hạn định 30/5/2010 sẽ thanh toán*”. Sau khi viết thỏa thuận xong, đến hạn bà K không trả tiền cho ông L, nên ông L vẫn quản lý, sử dụng và san lấp mặt bằng thửa đất đó từ khi nhận lại của ông G và bà H cho đến năm 2022, sau khi Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên và Bản án phúc thẩm số 171/2022/DS-PT ngày 15/6/2022 của Tòa án nhân dân cấp Cao tại Hà Nội có hiệu lực pháp luật, thì ông Đào Văn N và bà Nguyễn Thị L3 là người quản lý, sử dụng thửa đất đó, chứ ông L cũng chưa bàn giao thửa đất này cho bà K.

Tại giai đoạn sơ thẩm, trong đơn khởi kiện ông L yêu cầu bà K phải trả cho ông giá trị thửa đất có diện tích là: 50,92m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, khi Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên giải quyết vụ án, đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, thì xác định mảnh đất tranh chấp có diện tích là 44m<sup>2</sup>, do vậy, ông không yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ, đề nghị Hội đồng xét xử lấy diện tích thửa đất là 44m<sup>2</sup> theo Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 22/9/2021 và Bản án phúc thẩm số 171/2022/DS-PT ngày 15/6/2022 của Tòa án nhân dân cấp Cao tại Hà Nội để giải quyết vụ án này.

Căn cứ vào Biên bản thỏa thuận đề ngày 19/3/2010 giữa bà K và ông L, ông L yêu cầu bà K phải trả cho ông tổng số tiền là: 500.000.000 đồng, gồm các khoản sau:

- Giá trị thửa đất: 430.650.000 đồng.
- Mua lắp đặt cống và bê tông thoát nước ngầm là: 6.000.000 đồng.
- Gạch xây tường bao: 7.200.000 đồng.

- Cát xây: 3.150.000 đồng.
- Xi măng: 6.000.000 đồng.
- C xây tường gạch: 15.000.000 đồng.
- Mua đất đổ vào: 20.000.000 đồng.
- Thuê máy xúc san lấp, tạo mặt bằng: 12.000.000 đồng.

Ngoài bảng tự kê các chi phí nhân công, chi phí vật liệu xây công, cây tường bao, chi phí đổ đất, bồi bổ đất, giá trị quyền sử dụng thửa đất thì ông L không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho các yêu cầu khởi kiện này của mình vì khi những người đổ đất, san ủi xong thì ông trả tiền cho họ và họ đi về, còn họ là ai, ở đâu giờ ông không nhớ.

***Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trịnh Thị K trình bày:***

Việc ông L yêu cầu bà K phải bồi thường số tiền 500.000.000 đồng là không có cơ sở, nên bà K không đồng ý vì:

Năm 2008 bố mẹ bà K là ông Trịnh Đình L2 và bà Hoàng Thị T2 có cho bà một mảnh đất tại thôn H, xã T, huyện Đ, đã được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phía trước giáp quốc lộ B, phía sau giáp đất bà Tư L4, phía bên trái giáp đường vào nhà bà T3, phía bên phải giáp đất em trai bà K là anh Trịnh Đình N1. Theo đó phía trước mảnh đất của bà K giáp với hành lang an toàn giao thông đường 279, hoàn toàn không có mảnh đất của ai ở đó. Năm 2010, do không có nhu cầu sử dụng nên bà K đã chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất trên cho gia đình ông bà N, L3.

Khi biết bà K chuyển nhượng thửa đất trên cho gia đình ông bà N, L3 thì ông L có làm đơn khởi kiện và cho rằng mảnh đất phía trước thuộc hành lang an toàn giao thông là phần đất của gia đình ông L khai hoang và gây cản trở cho việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà K với gia đình ông bà N, L3. Sau nhiều lần phản bác ông L vẫn cương quyết cho rằng đất đó do gia đình ông L khai phá, dẫn đến việc chuyển nhượng đất gặp nhiều khó khăn, thời điểm đó do mệt mỏi với việc kiện tụng, nên bà K đã trao đổi và nói sẽ hỗ trợ cho ông L số tiền 15.000.000 đồng, sau đó xét thấy mảnh đất đó thuộc hành lang an toàn giao thông, ông L và bà K đều không có quyền mua bán, nên bà K không hỗ trợ cho ông L nữa. Sau khi Tòa án các cấp xét xử vụ việc do ông L khởi kiện đã xác định việc ông L khởi kiện là không có căn cứ, bà K đã chuyển nhượng thửa đất bà K được bố mẹ cho ông bà N, L3 mà không có liên quan gì đến gia đình ông L. Do vậy, bà K thấy yêu cầu của ông L là không có căn cứ, nên không chấp nhận yêu cầu của ông L buộc bà phải trả cho ông L số tiền 500.000.000 đồng.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 07/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đã quyết định:***

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 274, Điều 275, Điều 280 Bộ luật Dân sự.

Tuyên:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Công L. Buộc bà Trịnh Thị K phải trả cho ông Phạm Công L số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Công L yêu cầu bà Trịnh Thị K phải trả cho ông L số tiền 485.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về yêu cầu thi hành án, án phí và quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

\* Ngày 18 tháng 6 năm 2024, nguyên đơn ông Phạm Công L kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 07/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Công L, buộc bà Trịnh Thị K phải trả cho ông L số tiền 500.000.000 đồng.

\* Ngày 10/9/2024 Tòa án nhận được Đơn đề nghị hoãn phiên tòa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐ-PT ngày 22/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên và Đ đề nghị bổ sung người tham gia tố tụng của nguyên đơn là ông Phạm Công L; ngày 12/9/2024 Tòa án nhận được Đơn sửa đổi bổ sung người tham gia tố tụng của ông L. Cụ thể ông L yêu cầu bổ sung người tham gia như sau:

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Đặng Hương G1, Công chức địa chính xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

+ UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lò Văn C1 - Chủ tịch UBND xã T.

+ Ông Lò Văn H1, Nguyên Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, địa chỉ bản C, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

+ Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh B1 – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

+ Cục Q – Thuộc T5. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hưng H2, Cục trưởng cục Q – thuộc T5.

+ Ông Đào Văn N, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị L3, sinh năm 1979; nơi thường trú: Bản H, xã T, huyện Đ; nơi ở hiện nay: Thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

+ Ông Trịnh Đình L2, sinh năm 1955, địa chỉ: P - E Khu C, thị trấn X, huyện C, Thành phố Hà Nội.

- Những người làm chứng:

+ Ông Trịnh Quang K1, sinh năm 1950, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

+ Bà Nguyễn Thị L6, sinh năm 1933, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh

Điện Biên.

+ Bà Đào Thị T4, sinh năm 1958, địa chỉ: địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Lý do bổ sung người tham gia tố tụng:

+ Để xác định rõ giá trị quyền sử dụng đất và tiền công khai phá, cải tạo thửa đất tại thời điểm khởi kiện.

+ Thửa đất của ông L đang yêu cầu bà Trịnh Thị K phải trả tiền bồi thường theo Giấy thoả thuận bồi thường công khai phá đề ngày 19/3/2010 giữa ông L và bà Trịnh Thị K, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T là thửa đất nằm trong quy hoạch hành lang giao thông, hay là đất hành lang giao thông.

+ Tổ chức, cá nhân nào có quyền sử dụng đất đối với thửa đất của ông L đang yêu cầu bà Trịnh Thị K phải trả tiền bồi thường theo giấy thoả thuận bồi thường công khai phá đề ngày 19/3/2010 giữa ông L và bà Trịnh Thị K, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T.

\* **Tại phiên tòa phúc thẩm:** Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại theo quy định của pháp luật. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

\* **Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về việc tuân theo pháp luật và việc giải quyết vụ án:**

- Về trình tự thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán được phân công đã thực hiện việc Thông báo cho các đương sự, Viện kiểm sát theo đúng quy định.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Công L đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 07/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 07/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội: Nguyên đơn được miễn án phí dân sự phúc thẩm do là người cao tuổi.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

### [1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện, các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Xác định tranh chấp giữa ông Phạm Công L, sinh năm 1960. Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên với bị đơn Bà Trịnh Thị K, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số nhà F, tổ dân phố F, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên là tranh chấp về dân sự, quan hệ pháp luật là tranh chấp về việc yêu cầu trả tiền giá trị quyền sử dụng đất và tiền công khai phá, cải tạo đất theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn Bà Trịnh Thị K, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số nhà F, tổ dân phố F, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án là có căn cứ.

[2] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo và đề nghị bổ sung người tham gia tố tụng của nguyên đơn ông Phạm Công L:

- Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Công L: Ngày 18 tháng 6 năm 2024, nguyên đơn ông Phạm Công L kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 07/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật. Như vậy việc kháng cáo của ông Phạm Công L là hợp lệ, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét đơn kháng cáo của nguyên đơn theo trình tự phúc thẩm.

- Đối với đơn đề nghị bổ sung người tham gia tố tụng của ông Phạm Công L: Hội đồng xét xử thấy rằng, lý do ông L đề nghị bổ sung người tham gia tố tụng với mục đích để chứng minh ba nội dung nêu trong “Đơn sửa đổi, bổ sung người tham gia tố tụng” đề ngày 12/9/2024. Những nội dung ông viết trong đơn này đã được xem xét, giải quyết theo Bản án số 04/2021/DS-ST ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên và Bản án số 171/2022/DS-PT ngày 15/6/2022 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội đã có hiệu lực pháp luật. Nội dung hai bản án khẳng định: Diện tích đất mà ông L yêu cầu bà K phải trả giá trị quyền sử dụng đất và tiền công khai phá, cải tạo đất là đất hành lang an toàn đường bộ. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu bổ sung người tham gia tố tụng của ông Phạm Công L, vì đây là những tình tiết sự kiện không phải chứng minh, do đã được xác định trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét

xử vắng mặt bị đơn Trịnh Thị K, do bà K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, bà K có đơn xin xét xử vắng mặt.

**[4] Về nội dung:** Xét nội dung kháng cáo của ông Phạm Công L, kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 07/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, với lý do thửa đất có diện tích 50,92m<sup>2</sup> theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ tại Bản án sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên là 8m x 5,5m = 44 m<sup>2</sup> là đất khai hoang của cha mẹ ông L (là cụ G, cụ H) khai hoang từ năm 1982, sau đó để lại cho ông L, diện tích đất 44 m<sup>2</sup> không phải là đất hành lang giao thông. Việc bà K chuyên nhượng thửa đất của ông L cho ông N, bà L3 thì phải trả cho ông L số tiền là 500.000.000 đồng (*bao gồm chi phí nhân công, chi phí vật liệu xây công, cây tường bao, chi phí đổ đất, bồi bổ đất; giá trị quyền sử dụng thửa đất*).

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên và Bản án dân sự phúc thẩm số 171/2022/DS-PT ngày 15/6/2022 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội đã xác định: Về nguồn gốc thửa đất có diện tích 44m<sup>2</sup> tại địa chỉ thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên là đất hành lang an toàn giao thông đường quốc lộ 279, hiện được giao cho gia đình ông N, bà L3 quản lý, không phải đất của gia đình ông L và cũng không phải đất của gia đình ông N. Do đó, việc ông L yêu cầu bà K phải trả cho ông giá trị thửa đất với số tiền là: 430.650.000 đồng là không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của ông L.

Ngoài ra, ông L còn yêu cầu bà K phải trả cho ông L công khai phá, cải tạo thửa đất với số tiền là 69.350.000 đồng, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, vào ngày 19/3/2010, bà K và ông L đã có văn bản tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc “*Bà K đồng ý hỗ trợ công khai phá, cải tạo hoa màu trên mảnh đất mà bà K dùng làm lối đi có chiều dài bám quốc lộ 279 = 8m cho ông Phạm Công L, số tiền là: 15.000.000 đồng, hạn định 30/5/2010 sẽ thanh toán*”, nhưng đến hạn bà K không trả cho ông L khoản tiền này, nên cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông L, buộc bà K phải trả cho ông L số tiền 15.000.000 đồng theo biên bản thỏa thuận đề ngày 19/3/2010.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn ông Phạm Công L buộc bị đơn bà Trịnh Thị K phải trả cho ông L số tiền 15.000.000 đồng tiền công khai phá, cải tạo đất; không chấp nhận yêu cầu buộc bà K phải trả số tiền 485.000.000 đồng là có căn cứ, đúng theo quy định tại các Điều 274, 275 và 280 Bộ luật Dân sự 2015.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện, đánh giá tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự một cách khách quan, đúng quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Công L.

**[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:** Bị đơn bà Trịnh Thị K phải chịu 750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nguyên đơn ông Phạm Công L được

miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Do kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Công L không được chấp nhận nên ông Phạm Công L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên do ông Phạm Công L là người cao tuổi (64 tuổi) nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 274, Điều 275, Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Công L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 07/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

2. Về án phí phúc thẩm:

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn ông Phạm Công L.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 27/9/2024).

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- VKSND TP. Đ, tỉnh Điện Biên;
- TAND TP. Đ, tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS thành phố Đ, tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu HSPA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Văn Phương**



